



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG
LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: /QĐ - VPCNCL ngày tháng năm 2024
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Công ty Cổ phần Dịch vụ Khoa học Công nghệ Chấn Nam**

Laboratory: **Chan Nam Science Technology Service JSC**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Dịch vụ Khoa học Công nghệ Chấn Nam**

Organization: **Chan Nam Science Technology Service JSC**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa, Sinh**

Field of testing: **Chemical, Biological**

Người quản lý: **Trần Thụy Thanh Thảo**

Laboratory manager: **Tran Thuy Thanh Thao**

Số hiệu/ Code: **VILAS 677**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **Kể từ ngày / /2024 đến ngày 04/11/2025.**

Địa chỉ/ Address: **156/29-31 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TP.HCM**
No 156/29-31 To Hien Thanh, ward 15, district 10, Ho Chi Minh city

Địa điểm/Location: **156/29-31 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TP.HCM**
No 156/29-31 To Hien Thanh, ward 15, district 10, Ho Chi Minh city

Điện thoại/ Tel: **028.39911131**

Fax:

E-mail: **info@channam.com.vn**

Website: **www.channam.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS

VILAS 677

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Nước sạch, nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai <i>Domestic water, bottle drinking water, bottle mineral drinking water</i>	Xác định hàm lượng Cd, Cu, Cr, Mn, Ni Phương pháp ICP-OES <i>Determination of Cd, Cu, Cr, Mn, Ni content ICP-OES method</i>	Cd: 0,002 mg/L Cu: 0,15 mg/L Cr: 0,015 mg/L Mn: 0,05 mg/L Ni: 0,015 mg/L	SMEWW 3120:2023
2.	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm chức năng <i>Health Supplement, Dietary supplement</i>	Xác định hàm lượng Chì (Pb), Cadimi (Cd), Arsenic (As), Thủy ngân (Hg) Phương pháp ICP-OES <i>Determination of Pb, Cd, As, Hg content ICP-OES method</i>	Dạng lỏng/liquid: Pb: 0,15 mg/kg Cd: 0,05 mg/kg As: 0,15 mg/kg Hg: 0,15 mg/kg Dạng khác/other: Pb: 0,3 mg/kg Cd: 0,1 mg/kg As: 0,3 mg/kg Hg: 0,3 mg/kg	H170 (2023) (Ref. TCVN 10912: 2015)
3.	Phụ gia thực phẩm <i>Food additives</i>	Xác định hàm lượng Chì (Pb), Cadimi (Cd), Arsenic (As), Thủy ngân (Hg) Phương pháp ICP-OES <i>Determination of Pb, Cd, As, Hg content ICP-OES method</i>	Pb: 0,3 mg/kg Cd: 0,1 mg/kg As: 0,3 mg/kg Hg: 0,3 mg/kg	H179 (2023) (Ref. TCVN 8900- 8,9,10:2012, TCVN 10912:2015)

Chú thích/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnam Standard*
- H.....: Phương pháp do phòng thí nghiệm xây dựng/*laboratory's developed method.*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS

VILAS 677

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh

Field of testing: *Biological*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm chức năng <i>Health Supplement, Dietary supplement</i>	Định lượng tổng số vi sinh vật Đếm khuẩn lạc ở 30°C bằng kỹ thuật đổ đĩa <i>Enumeration of microorganism Colony count at 30°C by the pour plate technique</i>		TCVN 4884-1:2015
2.		Định lượng Coliform Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Coliform Colony count technique</i>		TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
3.		Phát hiện và định lượng Coliform Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất <i>Detection and enumeration of Coliform Most probable number technique</i>	eLOD ₅₀ : 2 CFU/g (mL)	TCVN 4882:2007 (ISO 4831:2006)
4.		Định lượng <i>E. coli</i> dương tính β- glucuronidase Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5-bromo-4-clo-3 Indolyl β- D-glucuronid <i>Enumeration of β-glucuronidase positive E. coli Colony count technique at 44°C using 5-bromo-4-clo-3 Indolyl β- D-glucuronide</i>		TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
5.		Phát hiện và Định lượng <i>E. coli</i> dương tính β-glucuronidase Kỹ thuật tính số có xác suất lớn nhất sử dụng 5-bromo-4-Clo-3- Indolyl β-D-glucuronid <i>Detection and Enumeration of β- glucuronidase positive E. coli Most probable number technique using 5-bromo-4-clo-3 Indolyl β- D-glucuronide</i>	eLOD ₅₀ : 2 CFU/g (mL)	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS

VILAS 677

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
6.	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm chức năng Health Supplement, Dietary supplement	Định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) trên đĩa thạch Kỹ thuật đếm sử dụng môi trường Baird - Parker <i>Enumeration of coagulase positive staphylococci (Staphylococcus aureus and other species)</i> <i>Method using Baird Parker agar medium</i>		TCVN 4830-1:2005
7.		Định lượng <i>Bacillus cereus</i> giả định trên đĩa thạch Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C <i>Enumeration of presumptive Bacillus cereus</i> <i>Colony count technique at 30°C</i>		TCVN 4992:2005 (ISO 7932:2004)
8.		Định lượng <i>Cl. perfringens</i> trên đĩa thạch Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Cl. Perfringens</i> <i>Colony count technique</i>		TCVN 4991:2005
9.		Định lượng Nấm men và nấm mốc. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước lớn hơn 0,95 <i>Enumeration of yeasts and moulds</i> <i>Colony count technique in products with water activity greater than 0.95</i>		TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)
10.		Định lượng Nấm men và nấm mốc. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước nhỏ hơn hoặc bằng 0,95 <i>Enumeration of yeasts and moulds</i> <i>Colony count technique in products with water activity less than or equal to 0.95</i>		TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS

VILAS 677

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
11.	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm chức năng Health Supplement, Dietary supplement	Định lượng Enterobacteriaceae Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Enterobacteriaceae Colony count technique</i>		TCVN 5518-2:2007
12.		Phát hiện <i>Salmonella</i> spp. <i>Detection of Salmonella spp.</i>	eLOD ₅₀ : 2 CFU/25g (25mL)	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
13.		Phát hiện <i>Listeria monocytogenes</i> <i>Detection of Listeria monocytogenes</i>	eLOD ₅₀ : 2 CFU/25g (25mL)	TCVN 7700-1:2007
14.		Định lượng <i>Listeria monocytogenes</i> <i>Enumeration of Listeria monocytogenes</i>		TCVN 7700-2:2007

Ghi chú/ Note:

Trường hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Khoa học Công nghệ Chấn Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Dịch vụ Khoa học Công nghệ Chấn Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Chan Nam Science Technology Service JSC that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

